NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 6621/BIDV-TK&QHCĐ
CBTT Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành Trái phiếu BIDV theo hình thức riêng lẻ trong năm 2026
Re: Resolution Approving the Plan for Private Placement of BIDV Bonds in 2026

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026
Hanoi, August 05th 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn Kiếm, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.06 14:54:53+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:
- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC.* (BIDV)

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID
- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem ward, Ha Noi*
- Điện thoại liên hệ/*Tel:* (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố thông tin Nghị quyết số 1102/NQ-BIDV ngày 05/08/2026 về việc phê duyệt Phương án phát hành Trái phiếu BIDV theo hình thức riêng lẻ trong năm 2026 như đính kèm.

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced Resolution No. 1102/NQ-BIDV dated August 5, 2026, on the approval of the Plan for Private Placement of BIDV Bonds in 2026, as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 06/08/2026 tại đường dẫn https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu/*This*

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

information was published on the Bank's website on 06/08/2026as in the links https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

Trần Long

Nơi nhận/Recipent:
- Như trên/*As above*;
- Lưu TK&QHCĐ, VP/ *Archive: Secretariat & Investor Relations, BIDV Office.*

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1102/NQ-BIDV	*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Phương án phát hành Trái phiếu BIDV theo hình thức riêng lẻ trong năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 1246/TTr-ALCO ngày 28/07/2026;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt các nội dung sau:

- Phương án phát hành Trái phiếu BIDV theo hình thức riêng lẻ trong năm 2026 (sau đây gọi là "Trái Phiếu") (chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Đăng ký, lưu ký tập trung Trái Phiếu tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC); Đăng ký giao dịch Trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Đối với các giao dịch phát hành Trái phiếu thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt, giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc:

- Quyết định thời điểm phát hành, giá trị phát hành, kỳ hạn trái phiếu, mệnh giá trái phiếu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu, cách thức xác định lãi suất tham chiếu, phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu, và các nội dung khác của từng đợt phát hành; được quy định cụ thể tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu và Thông báo/Quyết định phát hành của đợt phát hành đó;

- Xem xét, quyết định việc thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực;

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

- Xem xét quyết định tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký, lưu ký tập trung Trái Phiếu tại VSDC và đăng ký giao dịch Trái phiếu tại HNX.

Trong phạm vi thẩm quyền được giao, Tổng Giám đốc được phân cấp, ủy quyền thường xuyên hoặc từng lần cho các cá nhân/đơn vị liên quan thực hiện và quyết định các văn bản, tài liệu phát sinh (nếu cần).

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết 333/NQ-BIDV ngày 23/04/2026.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Thư ký và Quan hệ cổ đông, Giám đốc các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính BIDV và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và BIDV./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Các Ban/TT: CS&GSHT, KT&GSTT, ALCO;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

Lê Ngọc Lâm

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU BIDV THEO HÌNH THỨC RIÊNG LẺ TRONG NĂM 2026

(đính kèm Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số .../NQ-BIDV ngày ... của Hội đồng Quản trị BIDV)

Căn cứ:

- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 được sửa đổi và bổ sung một số điều bởi Luật số 76/2025/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2025 và Luật số 03/2022/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng Khoán**");

- Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính (**"Luật Số 56"**);

- Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("**Nghị Định 200**");

- Thông tư số 76/2024/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("**Thông Tư 76**");

- Thông tư số 30/2023/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 17 tháng 05 năm 2023 hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước ("**Thông Tư 30**");

- Quyết định số 27/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ("**Quyết Định 27**");

- Quyết định 56/QĐ-SGDVN ngày 10/07/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") ("**Quyết Định 56**");

- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

- Nhu cầu huy động vốn trung dài hạn Quý III-IV/2026 của BIDV.

1. Thông tin về doanh nghiệp phát hành:

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (Sau đây gọi là "BIDV").

- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại - Công ty cổ phần (Công ty đại chúng đã niêm yết).

- Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Ngành nghề kinh doanh: nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng các phương tiện thanh toán; cung ứng các dịch vụ thanh toán; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; mở tài khoản; tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác; tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại như dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép thành lập và Hoạt động; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, cung ứng dịch vụ môi giới tiền tệ; lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng; hoạt động mua nợ; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, ngân hàng giám sát theo pháp luật chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi là "NHNN") chấp thuận theo quy định của pháp luật.

- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung.

- Số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu:

  + Tài khoản số: 280698068

  + Chủ Tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

+ Loại tài khoản: Tài khoản VND.

- Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Mục đích phát hành: Để cho vay khách hàng trong nền kinh tế.

3. Thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng theo quy định về phát hành trái phiếu tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 16 Nghị Định 200:

STT	Điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định pháp luật	Đánh giá	Thuyết minh
1	Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư	Đáp ứng	Thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành là Hội đồng quản trị BIDV. Khi phương án phát hành này được Hội đồng quản trị phê duyệt được hiểu là BIDV đã đáp ứng điều kiện này.
2	Đối tượng tham gia đợt chào bán bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	Đáp ứng	Đối tượng mua trái phiếu tại từng thời điểm BIDV phát hành là các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định của pháp luật chứng khoán.
3	Việc giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật Chứng Khoán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật	Đáp ứng	Các trái phiếu BIDV phát hành theo phương án phát hành này chỉ được giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định của pháp luật chứng khoán, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
4	Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.	Đáp ứng	Trong 3 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu, BIDV đã thực hiện thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành đến hạn thanh toán (chi tiết tại mục 8 Phương án phát hành này) và thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu.
5	Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị Định 200.	Đáp ứng	BIDV có báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, công ty kiểm toán thuộc danh sách các

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định pháp luật	Đánh giá	Thuyết minh
			công ty được phép kiểm toán cho doanh nghiệp có lợi ích công chúng. Trong đó Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính của BIDV.
6	Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Đáp ứng	BIDV đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chi tiết tại mục 7 Phương án phát hành này).
7	Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ về điều kiện chào bán, phải tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp	Đáp ứng	BIDV cam kết đảm bảo tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.
	Điều kiện chào bán trái phiếu thành nhiều đợt theo quy định pháp luật		
7	Doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam	Đáp ứng	BIDV là ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật Các Tổ Chức Tín Dụng (theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm)
8	Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị Định 200.	Đáp ứng	BIDV có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu.
9	Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị phát hành, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán.	Đáp ứng	Chi tiết tại mục 4 và 15 Phương án phát hành này
10	Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá	Đáp ứng	Chi tiết tại mục 4 Phương án phát hành này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định pháp luật	Đánh giá	Thuyết minh
	06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.		

4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến phát hành:

- Kỳ hạn trái phiếu: Từ 01-05 năm.

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá: Tối đa 20.000 tỷ đồng (Hai mươi nghìn tỷ đồng chẵn).

- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không phải là nợ thứ cấp của BIDV.

- Đồng tiền phát hành và thanh toán: VND (Việt Nam Đồng).

- Mệnh giá trái phiếu: Một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam.

- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.

- Giá phát hành: Bằng 100% bằng mệnh giá.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Lãi suất Trái Phiếu có thể được xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

+ Trường hợp áp dụng lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi thì lãi suất danh nghĩa được xác định theo công thức sau: Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ.

Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn cụ thể theo thông báo của BIDV đối với từng đợt phát hành, công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại ngày xác định lãi suất (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội.

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam quyết định cụ thể phương thức xác định lãi suất/lãi suất tham chiếu, biên độ và mức lãi suất cụ thể đối với mỗi đợt phát hành, trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận/nhu cầu vốn của Ngân hàng tại thời điểm phát hành và phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ (nếu có) và quy định cụ thể tại Bản Công Bố Thông Tin của đợt phát hành đó.

- Địa điểm tổ chức đợt phát hành: Tại Trụ sở chính và/hoặc tất cả các chi

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong toàn quốc và/hoặc thông qua đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành tùy theo từng đợt phát hành.

- Kế hoạch chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

+ Tối đa 30 đợt phát hành, trong đó:

Thời gian chào bán	Số lượng đợt chào bán	Khối lượng chào bán dự kiến (*)
Quý III/2026	Tối đa 20 đợt	Tối đa 15.000 tỷ đồng
Quý IV/2026	Tối đa 10 đợt	Tối đa 5.000 tỷ đồng
Tổng cộng	**Tối đa 30 đợt**	**Tối đa 20.000 tỷ đồng**

(*) Khối lượng chào bán từng đợt: Tối thiểu 50 tỷ đồng

+ Trường hợp Quý trước chưa phát hành hết số lượng đợt và khối lượng chào bán tối đa như dự kiến thì số lượng đợt và khối lượng chào bán còn lại/chưa phát hành sẽ được chuyển sang Quý sau để tiếp tục chào bán/phát hành.

+ Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán: Tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán.

- Thời điểm dự kiến phát hành: Từ Quý III - Quý IV/2026, tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.

- Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

+ Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm, hoặc thời hạn khác tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại Bản Công Bố Thông tin của mỗi đợt phát hành.

+ Gốc trái phiếu được trả 01 lần vào ngày đáo hạn bằng 100% mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn hoặc ngày trái phiếu được BIDV mua lại trước thời hạn hoặc tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại mỗi đợt phát hành.

+ Việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu được thực hiện tại Trụ sở chính và/hoặc các chi nhánh của BIDV trên toàn quốc và/hoặc bên thứ ba tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại mỗi đợt phát hành và theo các quy định pháp luật có liên quan.

- Các đặc điểm khác của trái phiếu: Tùy thuộc vào công bố của Ngân hàng tại hồ sơ chào bán trái phiếu từng đợt, một số trái phiếu phát hành tự nguyện tuân thủ theo Nguyên tắc Trái phiếu xanh hoặc Hướng dẫn Trái phiếu bền vững của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA), và trong mọi trường hợp không được tuyên bố hoặc phân loại là trái phiếu ESG (bao gồm nhưng không giới hạn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội, trái phiếu bền vững) theo quy định của Pháp luật Việt Nam (nếu có) và không ràng buộc trách nhiệm của BIDV đối với các quy định pháp luật có liên quan này.

- Các điều kiện, điều khoản cụ thể của từng đợt chào bán bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung về mệnh giá trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá, lãi suất và phương thức xác định lãi suất, ngày mua lại trước hạn (nếu có) và các nội dung khác sẽ được quy định tại hồ sơ chào bán trái phiếu từng đợt,…

5. Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của BIDV về việc Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

5.1. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quyền của BIDV và/hoặc theo quyền của người sở hữu trái phiếu và/hoặc hoặc theo thỏa thuận giữa BIDV và người sở hữu trái phiếu nêu tại các tài liệu phát hành

- Mục đích mua lại/hoán đổi trái phiếu: Nhằm đáp ứng nhu cầu và cân đối vốn của BIDV, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho ngân hàng.

- Tổng mệnh giá dự kiến mua lại/hoán đổi trái phiếu: Khối lượng mua lại/hoán đổi trái phiếu thực tế phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện trái phiếu tại tài liệu phát hành, thỏa thuận giữa BIDV và người mua trái phiếu, tình hình thị trường và khả năng cân đối vốn của BIDV tại thời điểm mua lại trái phiếu.

- Nguồn vốn mua lại: Nguồn vốn kinh doanh của BIDV.

- Ngày mua lại trước hạn: Tùy thuộc vào điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu tại tài liệu phát hành hoặc theo thỏa thuận giữa BIDV và những người sở hữu trái phiếu với điều kiện đảm bảo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước, và được quy định cụ thể tại hồ sơ chào bán trái phiếu từng đợt phát hành.

- Ngày hoán đổi: Tùy thuộc vào điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu tại tài liệu phát hành hoặc theo thỏa thuận giữa BIDV và những người sở hữu trái phiếu.

5.2. Mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu:

BIDV bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu khi:

- BIDV vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- BIDV thực hiện không đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư mà BIDV không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

Trong trường hợp này, BIDV cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu của đợt phát hành có vi phạm đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mua lại của mỗi trái phiếu bằng tổng của mệnh giá trái phiếu và khoản lãi đã phát sinh (nhưng chưa được thanh toán) trên trái phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện nghĩa vụ mua lại.

5.3. Mua lại trước hạn trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành như được quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 200:

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

Mua lại trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu hoặc việc thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành đối với trường hợp việc thay đổi đã được những người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận như được quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 200.

Trong trường hợp này, BIDV cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu và việc thay đổi mục đích phát hành như được quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 200 với giá mua lại của mỗi trái phiếu bằng tổng của mệnh giá trái phiếu và khoản lãi đã phát sinh (nhưng chưa được thanh toán) trên trái phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện nghĩa vụ mua lại.

6. Phương thức, quy trình lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn:

Phương thức tổ chức lấy ý kiến: thông qua (i) biểu quyết tại hội nghị người sở hữu trái phiếu do những người có thẩm quyền theo quy định tại tài liệu phát hành trái phiếu đối với từng đợt cụ thể triệu tập (Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc (ii) lấy ý kiến bằng văn bản (văn bản giấy hoặc bỏ phiếu điện tử) theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (iii) một hình thức khác theo quy định cụ thể tại tài liệu phát hành trái phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quy trình lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu:

- Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc việc tổ chức lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu bằng văn bản hoặc hình thức khác có thể được triệu tập, quyết định bởi (những) người có thẩm quyền triệu tập (như được quy định cụ thể tại tài liệu phát hành trái phiếu từng đợt cụ thể).

- Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành trái phiếu chỉ có thể được thông qua khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận và Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc mua lại trái phiếu trước hạn đối với những người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành.

- Các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu sẽ được quy định tại tài liệu phát hành từng đợt cụ thể.

7. Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm chào bán và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có):

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	Dự kiến sau phát hành
I	**Số liệu theo báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán**				
1	Vốn chủ sở hữu	115.170.922	136.350.642	163.017.075	163.017.075
1.1	Vốn của ngân hàng	71.296.741	83.267.535	88.020.709	88.020.709
1.1.1	*Vốn điều lệ*	*57.004.359*	*68.975.153*	*70.213.619*	*70.213.619*
1.1.2	*Thặng dư vốn cổ phần*	*14.292.382*	*14.292.382*	*17.807.090*	*17.807.090*
1.2	Quỹ của ngân hàng	15.166.344	18.848.053	33.355.349	33.355.349
1.3	Lợi nhuận chưa phân phối	28.707.837	34.235.054	41.641.017	41.641.017
2	Tổng nợ phải trả	2.142.888.956	2.573.046.748	3.102.501.847	3.122.501.847
2.1	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	34.394.008	167.226.790	217.524.929	217.524.929
2.2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	173.414.762	222.117.274	401.538.224	401.538.224
2.3	Tiền gửi của khách hàng	1.685.553.864	1.929.557.458	2.195.892.605	2.195.892.605
2.4	Các công cụ TCPS và các khoản nợ tài chính khác			230.557	230.557
2.5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	12.207.729	11.981.467	12.043.069	12.043.069
2.6	Phát hành giấy tờ có giá	189.949.476	199.000.165	225.107.774	245.107.774
2.6.1	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	50.778.057	50.639.647	71.746.508	91.746.508
2.6.1.1	TP chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	45.295.000	49.103.000	71.289.381	91.289.381
2.6.1.2	TP chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	5.483.057	1.536.647	457.127	457.127
2.6.1.3	TP chào bán ra thị trường quốc tế	0	0	0	0
2.7	Các khoản nợ khác	47.033.909	43.163.594	50.164.689	50.164.689
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
3.1	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	0,95	0,95	0,95	0,95
3.2	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	18,61	18,88	19,03	19,15
4	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
4.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,10	1,04	1,03	1,03

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	Dự kiến sau phát hành
4.2	Hệ số thanh toán nhanh	1,10	1,04	1,03	1,03
5	Tổng Dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	0,44	0,37	0,44	0,56
6	Lợi nhuận trước thuế	26.705.669	30.697.871	35.508.846	35.508.846
7	Lợi nhuận sau thuế	21.374.934	24.579.917	28.445.518	28.445.518
8	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
8.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	0,99	0,99	0,95	0,95
8.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	20,18	19,54	19,00	19,00
II	**Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán**				
1	Vốn chủ sở hữu	122.866.889	144.984.194	173.552.902	173.552.902
1.1	Vốn của ngân hàng	72.711.297	84.788.796	90.089.431	90.089.431
1.1.1	*Vốn điều lệ*	*57.004.359*	*68.975.153*	*70.213.619*	*70.213.619*
1.1.2	*Thặng dư vốn cổ phần*	*15.361.020*	*15.361.020*	*18.875.728*	*18.875.728*
1.1.3	*Vốn khác*	*345.918*	*452.623*	*1.000.084*	*1.000.084*
1.2	Quỹ của ngân hàng	15.662.247	19.396.820	33.710.640	33.710.640
1.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(803.547)	(701.036)	(597.397)	(597.397)
1.4	Lợi nhuận chưa phân phối	30.330.738	36.264.506	44.786.285	44.786.285
1.5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.966.154	5.235.108	5.563.943	5.563.943
2	Tổng nợ phải trả	2.178.001.839	2.615.922.770	3.157.272.818	3.177.272.818
2.1	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	35.896.488	168.388.958	218.825.525	218.825.525
2.2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	181.830.990	232.954.067	417.965.201	417.965.201
2.3	Tiền gửi của khách hàng	1.704.690.185	1.953.165.486	2.222.991.628	2.222.991.628
2.4	Các công cụ TCPS và các khoản nợ tài chính khác			230.557	230.557
2.5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	12.207.729	11.981.467	12.043.069	12.043.069
2.6	Phát hành giấy tờ có giá	189.486.736	198.900.165	225.407.774	245.407.774

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	Dự kiến sau phát hành
2.6.1	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	50.778.057	50.639.647	72.046.508	92.046.508
2.6.1.1	TP chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	45.295.000	49.103.000	71.589.381	91.589.381
2.6.1.2	TP chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	5.483.057	1.536.647	457.127	457.127
2.6.1.3	TP chào bán ra thị trường quốc tế	0	0	0	0
2.7	Các khoản nợ khác	53.561.556	50.532.627	59.809.064	59.809.064
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
3.1	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	0,95	0,95	0,95	0,95
3.2	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	17,73	18,05	18,19	18,31
4	Dư nợ trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,35	0,42	0,53
5	Lợi nhuận trước thuế	27.588.904	32.076.221	37.787.518	37.787.518
6	Lợi nhuận sau thuế	21.977.141	25.677.118	30.430.130	30.430.130
7	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
7.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	0,99	1,01	1,01	1,01
7.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	19,36	19,52	19,43	19,43

Ghi chú:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán được xác định theo số liệu riêng lẻ như sau:

+ Tài sản ngắn hạn bao gồm: (i) Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý; (ii) Tiền gửi tại NHNN; (iii) Tiền gửi tại các TCTD khác; (iv) Cho vay khách hàng ngắn hạn.

+ Hàng tồn kho = 0.

+ Nợ ngắn hạn bao gồm: (i) Tiền gửi kho bạc nhà nước; (ii) Tiền gửi của các TCTD khác; (iii) Tiền gửi không kỳ hạn và ngắn hạn của khách hàng (bao gồm tiền gửi bộ tài chính); (iv) Phát hành giấy tờ có giá dưới 12 tháng.

- Nguồn dữ liệu: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023, 2024, 2025 đã kiểm toán.

8. Các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành:

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước được đảm bảo tuân thủ, cụ thể:

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

TT	Chỉ tiêu	Quy định của NHNN	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Dự kiến sau phát hành
I. Tỷ lệ khả năng chi trả						
1	Tỷ lệ Dự trữ thanh khoản	≥ 10%	13,91%	15,12%	16,77%	> 10%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày					
	- VND	≥ 50%	67,77%	70,82%	60,72%	> 50%
	- Ngoại tệ	≥ 10%		148,24%	266,22%	> 10%
II. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu						
	Riêng lẻ	≥ 8%	8,82%	8,76%	9,05%	> 8%
	Hợp nhất	≥ 8%	9,18%	9,01%	9,17%	> 8%
III	**Trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có**	Trạng thái âm: >-2% Trạng thái dương: <2%		Trạng thái âm: -1,08% Trạng thái dương: 0,03%	Trạng thái âm: -1.46% Trạng thái dương: 0.02%	Tuân thủ
IV	**Trạng thái vàng so với vốn tự có**	≤2%		0	0	Tuân thủ
V	**Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn**	01/10/2022 – 30/09/2023: ≤ 34% Từ 01/10/2023 trở đi: ≤ 30%	20,56%	24,27%	27,08%	< 30%
VI	**Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi**	≤ 85%	83,85%	83,65%	81,84%	< 85%
VII	**Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh**	≤ 30%	7,03%	5,23%	1,83%	< 30%

Nguồn dữ liệu: Số liệu báo cáo NHNN hoặc số liệu công bố thông tin riêng ngân hàng.

9. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 3 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Trong 3 năm liên tiếp từ 2023 đến 2025, BIDV đã thực hiện thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn.

Chi tiết tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp từ 2023 đến 2025 như tại phụ lục 02 đính kèm.

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

10. Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ

- Tổng khối lượng đã phát hành của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 71.746.127 triệu đồng.

- Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 4.260.644 triệu đồng.

- Dư nợ trái phiếu còn lại của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 71.746.127 triệu đồng.

- Tình hình sử dụng vốn trái phiếu của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025:

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu ra công chúng đối với trái phiếu còn dư nợ kỳ 31/12/2025:

STT	Mục đích phát hành	Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ (VND)			Số tiền lũy kế đã sử dụng từ các trái phiếu phát hành còn dư nợ (VND)	Số tiền còn lại chưa sử dụng (VND)
		Mệnh giá	Phụ trội/ (Chiết khấu)	Số tiền thu được		
Mục đích tăng quy mô vốn hoạt động						
1.	Tăng vốn cấp 2					
	- Hoạt động cho vay	1.536.647.200.000	-	1.536.647.200.000	1.536.647.200.000	-
	Tổng	**1.536.647.200.000**	**-**	**1.536.647.200.000**	**1.536.647.200.000**	**-**

(Bao gồm 1.079,52 tỷ đồng trái phiếu BIDV đã mua lại trước hạn trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 – 31/12/2025)

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đối với trái phiếu còn dư nợ kỳ 31/12/2025:

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 (VND)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 1/1/2025 đến ngày 31/12/2025) (VND)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025 (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
1.	Mục đích tăng vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ			
1.1	Tăng vốn cấp 2			
	- Hoạt động cho vay	9.616.000.000.000	-	9.616.000.000.000
2.	Mục đích tăng vốn cấp 2			
2.1	Tăng vốn cấp 2			
	- Hoạt động cho vay	29.520.000.000.000	26.043.000.000.000	55.563.000.000.000
3.	Tăng quy mô vốn hoạt động			
3.1	Tăng vốn cấp 2			

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

	- Hoạt động cho vay	4.467.000.000.000	-	4.467.000.000.000
4	Cho vay khách hàng			
4.1	Cho vay khách hàng			
	- Hoạt động cho vay	5.500.000.000.000	8.360.000.000.000	13.860.000.000.000
	Tổng cộng	**49.103.000.000.000**	**34.403.000.000.000**	**83.506.000.000.000**

(Bao gồm 12.217 tỷ đồng trái phiếu BIDV đã mua lại trước hạn trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 – 31/12/2025)

(Chi tiết tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ theo Báo cáo đã được kiểm toán tại *phụ lục 03* đính kèm).

- Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu:

+ Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm, hoặc tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại mỗi đợt phát hành.

+ Gốc trái phiếu được trả 01 lần vào ngày đáo hạn trừ trường hợp trái phiếu được BIDV mua lại trước hạn hoặc tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại mỗi đợt phát hành.

- Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Không có.

11. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành: BIDV có tình hình tài chính lành mạnh và đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, cũng như khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành.

12. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

13. Phương thức phát hành trái phiếu: Trực tiếp phát hành và/hoặc đại lý phát hành và/hoặc bảo lãnh phát hành theo phương thức phát hành riêng lẻ và theo quy định của pháp luật.

14. Đối tượng mua trái phiếu: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 200.

15. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu:

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để cho vay khách hàng trong nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
I	**Quý III/2026**	**Tối đa 15.000**	
	Vận tải, kho bãi	Tối đa 6.000	Quý III/2026-Quý I/2027
	Kinh doanh bất động sản	Tối đa 6.000	
	Lĩnh vực khác	Tối đa 3.000	
II	**Quý IV/2026**	**Tối đa 5.000**	
	Vận tải, kho bãi	Tối đa 2.000	Quý IV/2026-Quý II/2027
	Kinh doanh bất động sản	Tối đa 2.000	
	Lĩnh vực khác	Tối đa 1.000	
	Tổng cộng	**Tối đa 20.000**	

Lĩnh vực cho vay khác có thể bao gồm: Bán lẻ; Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác; Công nghiệp, thương mại công nghiệp; Xây dựng nhà các loại và công trình kỹ thuật dân dụng; Dịch vụ; Khai khoáng;...

- Kế hoạch giải ngân thực tế (bao gồm cả số tiền, thời gian giải ngân và lĩnh vực sử dụng vốn) phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công thực tế theo từng Quý. Trường hợp khối lượng Trái Phiếu chào bán Quý trước chưa được phân phối hết như kế hoạch chào bán dự kiến thì kế hoạch sử dụng vốn Trái Phiếu của Quý trước sẽ được phân bổ lại theo từng ngành nghề tương ứng theo tỷ trọng khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công/khối lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán. Phần khối lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết cũng như kế hoạch sử dụng vốn còn lại của Quý trước sau khi phân bổ lại sẽ được chuyển sang Quý sau, tương ứng theo kế hoạch từng ngành nghề.
- Nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác,... phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

Đối với các trái phiếu mang đặc điểm tự nguyện tuân thủ theo Nguyên tắc Trái phiếu xanh hoặc Hướng dẫn Trái phiếu bền vững của ICMA, số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để cho vay khách hàng trong nền kinh tế áp dụng đối với những dự án đáp ứng các điều kiện được quy định trong Khung Trái phiếu xanh/Khung Trái phiếu bền vững của BIDV.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu: BIDV được sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu chưa giải ngân

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

gửi tại các ngân hàng thương mại hoặc mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại phát hành.

16. Kế hoạch bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Kế hoạch thanh toán lãi Trái Phiếu: Sử dụng nguồn vốn kinh doanh của BIDV, bao gồm nhưng không giới hạn nguồn vốn từ dòng tiền lãi thu được từ các khoản vay mà BIDV dự kiến giải ngân/cho vay bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư.

- Kế hoạch thanh toán gốc Trái Phiếu: BIDV dự kiến sử dụng nguồn tiền từ (i) dòng tiền thu nợ từ các khoản cho vay; (ii) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh; (iii) huy động vốn từ nền kinh tế và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu tại ngày đáo hạn, hoặc ngày mua lại trước hạn theo quyền/theo thỏa thuận/bắt buộc theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Bản công bố thông tin trước chào bán trái phiếu.

16.1. Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản giải ngân/ cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu được dùng để thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Trái phiếu dự kiến phát hành Quý III/2026:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Năm 1	8,5%	15.000	1.275,0	-	1.275,0	15.000
Năm 2	8,5%	15.000	1.275,0	3.750	5.025,0	11.250
Năm 3	8,5%	11.250	956,3	3.750	4.706,3	7.500
Năm 4	8,5%	7.500	637,5	3.750	4.387,5	3.750
Năm 5	8,5%	3.750	318,8	3.750	4.068,8	-
Tổng gốc lãi phải thu dự kiến					**19.462,5**	

Trái phiếu dự kiến phát hành Quý IV/2026:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Năm 1	8,5%	5.000	425,0	-	425,0	5.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

Năm 2	8,5%	5.000	425,0	1.250	1.675,0	3.750
Năm 3	8,5%	3.750	318,8	1.250	1.568,8	2.500
Năm 4	8,5%	2.500	212,5	1.250	1.462,5	1.250
Năm 5	8,5%	1.250	106,3	1.250	1.356,3	-
Tổng gốc lãi phải thu dự kiến					**6.487,5**	

Tổng gốc lãi phải thu dự kiến từ các khoản giải ngân/ cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu: **25.950 tỷ đồng**.

Trường hợp Quý trước chưa bán hết khối lượng Trái phiếu theo dự kiến thì phần khối lượng bán chưa hết sẽ được chuyển qua Quý sau. Dư nợ đầu kỳ có thể thay đổi theo số lượng Trái phiếu phát hành thực tế của mỗi Quý.

Các giả định như sau:

+ Kỳ thu nợ cho vay dự kiến kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu của mỗi Đợt;

+ Lãi suất cho vay giả định là 8,5%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu. Lãi suất cho vay thực tế được BIDV xác định theo chính sách cho vay từng thời kỳ và phù hợp với quy định pháp luật;

+ Trái phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.

16.2. Dự kiến kế hoạch thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Thời hạn thanh toán:

- Tiền gốc Trái Phiếu: Tiền gốc Trái Phiếu được trả một (01) lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu của BIDV hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu;

- Tiền lãi Trái Phiếu: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu, hoặc tùy theo quy định cụ thể của BIDV tại mỗi đợt phát hành.

Các giả định như sau:

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán toàn bộ một lần vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;

- Trái phiếu được thanh toán lãi cuối kỳ, kỳ thanh toán lãi 12 tháng/lần.

- Giả định lãi suất phát hành không thay đổi trong suốt thời hạn của Trái Phiếu với mức lãi suất áp dụng cho các Trái Phiếu từng kỳ hạn là:

	Kỳ hạn 2 năm	***Kỳ hạn 3 năm***	***Kỳ hạn 4 năm***	***Kỳ hạn 5 năm***
Lãi suất phát hành	*7,80%/năm*	*7,70%/năm*	*7,60%/năm*	*7,50%/năm*

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu		Trái phiếu dự kiến phát hành Quý III/2026				Trái phiếu dự kiến phát hành Quý IV/2026			
		Kỳ hạn 2 năm	**Kỳ hạn 3 năm**	**Kỳ hạn 4 năm**	**Kỳ hạn 5 năm**	**Kỳ hạn 2 năm**	**Kỳ hạn 3 năm**	**Kỳ hạn 4 năm**	**Kỳ hạn 5 năm**
Năm 2026	**Dự kiến khối lượng phát hành**	**3.750**	**3.750**	**3.750**	**3.750**	**1.250**	**1.250**	**1.250**	**1.250**
	Dự kiến lãi phải trả	0	0	0	0	0	0	0	0
	Dự kiến gốc phải trả	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Năm 2027	Dự kiến lãi phải trả	292,50	288,75	285	281,25	97,50	96,25	95	93,75
	Dự kiến gốc phải trả	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**292,50**	**288,75**	**285**	**281,25**	**97,50**	**96,25**	**95**	**93,75**
Năm 2028	Dự kiến lãi phải trả	292,50	288,75	285	281,25	97,50	96,25	95,00	93,75
	Dự kiến gốc phải trả	3.750	0	0	0	1.250	0	0	0
	Tổng cộng	**4.042,5**	**288,75**	**285**	**281,25**	**1.347,50**	**96,25**	**95**	**93,75**
Năm 2029	Dự kiến lãi phải trả		288,75	285	281,25	97,50	96,25	95	93,75
	Dự kiến gốc phải trả		3.750	0	0		1.250	0	0
	Tổng cộng		**4.038,75**	**285**	**281,25**		**1.346,25**	**95**	**93,75**
Năm 2030	Dự kiến lãi phải trả			285	281,25			95	93,75
	Dự kiến gốc phải trả			3.750	0			1.250	0
	Tổng cộng			**4.035**	**281,25**			**1.345**	**93,75**
Năm 2031	Dự kiến lãi phải trả				281,25				93,75
	Dự kiến gốc phải trả				3.750				1.250
	Tổng cộng				**4.031,25**				**1.343,75**
Tổng gốc, lãi Trái Phiếu phải trả dự kiến		**18.997,5**				**6.332,50**			

Tổng tiền gốc, lãi phải trả đối với Trái Phiếu phát hành theo phương án phát hành dự kiến là **25.330 tỷ đồng**.

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

17. Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành: Tổ chức phát hành cam kết công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

18. Cam kết khác đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu: Được quy định cụ thể tại tài liệu phát hành hoặc theo thỏa thuận giữa BIDV và những người sở hữu trái phiếu tại từng đợt phát hành.

19. Biện pháp thực hiện theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn: Nguồn vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu được hạch toán vào tài khoản riêng. BIDV chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý và giám sát việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành tại Phương án phát hành và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

20. Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu: Trái phiếu được đăng ký, lưu ký theo quy định tại Nghị Định 200 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

21. Điều khoản về giao dịch trái phiếu:

- Trái phiếu được đăng ký giao dịch/ hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại Điều 21 Nghị Định 200 và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- Trái phiếu chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại Nghị định 200, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

22. Quyền và trách nhiệm của BIDV:

- Tuân thủ quy định tại Nghị Định 200 và các quy định pháp luật liên quan;
- Sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành tại phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung CBTT cho nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư;
- Mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại mục 5.2 và 5.3 Phương án phát hành này, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố;
- Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán, thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy định tại Bản Công Bố Thông Tin chào bán Trái Phiếu của từng đợt phát hành cụ thể.

23. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư:

23.1. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu:

- Được BIDV công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị Định 200; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu khi có yêu cầu.

- Được BIDV thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với BIDV.

- Được yêu cầu BIDV mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại mục 5.2 và 5.3 Phương án phát hành này. .

- Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của BIDV theo quy định tại Nghị định 200 khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

- Được quyền biểu quyết với các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua, trong đó tỷ lệ chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu thông qua phải đạt từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại lưu hành trở lên.

23.2. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu:

- Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của BIDV; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của BIDV trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu.

- Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị Định 200 và quy định của pháp luật liên quan.

- Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu.

- Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu do mình cung cấp để xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

- Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định pháp luật; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư hoặc thỏa thuận đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị Định 200. Nhà đầu tư là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu do BIDV phát hành thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Khi bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của BIDV cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

- Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật.

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH TRONG 03 NĂM TỪ 2023 ĐẾN 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
1	BID2_18.01		2018	2030	-	-	130.000	10.010	10.010	10.010	160.030	Đầy đủ, đúng hạn
2	BID2_18.02		2018	2028	300.000	-	-	19.800	-	-	319.800	Đầy đủ, đúng hạn
3	BID2_18.04		2018	2030	-	-	80.000	6.160	6.160	6.160	98.480	Đầy đủ, đúng hạn
4	BID2_18.06		2018	2028	1.000.000	-	-	84.000	-	-	1.084.000	Đầy đủ, đúng hạn
5	BID2_19.02		2019	2029	-	100.000	-	6.750	7.750	-	114.500	Đầy đủ, đúng hạn
6	BID2_19.05		2019	2029	-	500.000	-	34.500	34.750	-	569.250	Đầy đủ, đúng hạn
7	BID2_19.07		2019	2029	-	600.000	-	42.000	41.400	-	683.400	Đầy đủ, đúng hạn
8	BID2_19.09		2019	2029	-	222.980	-	19.622	14.940	-	257.542	Đầy đủ, đúng hạn
9	BID2_RL19.18		2019	2034	-	-	-	9.100	6.880	6.380	22.360	Đầy đủ, đúng hạn
10	BID2_RL19.17		2019	2029	-	200.000	-	17.600	13.160	-	230.760	Đầy đủ, đúng hạn
11	BID2_RL20.03		2020	2028	232.000	-	-	15.150	-	-	247.150	Đầy đủ, đúng hạn
12	BID2_RL20.04		2020	2030	-	-	16.000	1.077	1.344	941	19.362	Đầy đủ, đúng hạn
13	BID2_RL20.12		2020	2028	500.000	-	-	33.900	-	-	533.900	Đầy đủ, đúng hạn
14	BID2_RL20.13		2020	2028	500.000	-	-	33.900	-	-	533.900	Đầy đủ, đúng hạn
15	BID2_RL20.07		2020	2028	206.000	-	-	13.452	-	-	219.452	Đầy đủ, đúng hạn
16	BID2_RL20.08		2020	2030	-	-	43.000	2.894	3.612	2.528	52.034	Đầy đủ, đúng hạn
17	BID2_RL20.14		2020	2035	-	-	-	39.750	39.750	39.750	119.250	Đầy đủ, đúng hạn
18	BID2_RL20.16		2020	2028	61.000	-	-	3.983	-	-	64.983	Đầy đủ, đúng hạn
19	BID2_RL20.17		2020	2030	-	-	6.000	404	504	353	7.261	Đầy đủ, đúng hạn
20	BID2_RL20.19		2020	2028	93.000	-	-	6.092	-	-	99.092	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
21	BID2_RL20.20		2020	2030	-	-	206.000	13.905	16.480	12.113	248.498	Đầy đủ, đúng hạn
22	BID2_RL20.23		2020	2030	-	-	200.000	13.700	16.200	11.960	241.860	Đầy đủ, đúng hạn
23	BID2_RL20.24		2020	2030	-	-	200.000	13.700	16.200	11.960	241.860	Đầy đủ, đúng hạn
24	BID2_RL20.25		2020	2028	200.000	-	-	13.300	-	-	213.300	Đầy đủ, đúng hạn
25	BID2_RL20.26		2020	2028	200.000	-	-	13.300	-	-	213.300	Đầy đủ, đúng hạn
26	BID2_RL20.27		2020	2028	200.000	-	-	13.300	-	-	213.300	Đầy đủ, đúng hạn
27	BID2_RL20.35		2020	2035	-	-	-	17.710	17.710	17.710	53.130	Đầy đủ, đúng hạn
28	BID2_RL20.33		2020	2028	89.000	-	-	5.830	-	-	94.830	Đầy đủ, đúng hạn
29	BID2_RL20.34		2020	2030	-	-	50.000	3.375	4.000	2.940	60.315	Đầy đủ, đúng hạn
30	BID2_RL20.37		2020	2028	125.000	-	-	8.225	-	-	133.225	Đầy đủ, đúng hạn
31	BID2_RL20.38		2020	2030	-	-	33.000	2.237	2.475	1.940	39.653	Đầy đủ, đúng hạn
32	BIDL2028040		2020	2028	139.000	-	-	9.146	-	-	148.146	Đầy đủ, đúng hạn
33	BIDL2030041		2020	2030	-	-	9.000	610	675	529	10.814	Đầy đủ, đúng hạn
34	BIDL2028045		2020	2028	91.000	-	-	5.915	-	-	96.915	Đầy đủ, đúng hạn
35	BIDL2030046		2020	2030	-	-	52.000	3.432	3.796	2.954	62.182	Đầy đủ, đúng hạn
36	BIDL2028048		2020	2028	144.000	-	-	9.360	-	-	153.360	Đầy đủ, đúng hạn
37	BIDL2030049		2020	2030	-	-	6.000	396	438	341	7.175	Đầy đủ, đúng hạn
38	BIDL2028054		2020	2028	162.000	-	-	10.530	-	-	172.530	Đầy đủ, đúng hạn
39	BIDL2030055		2020	2030	-	-	6.000	396	408	341	7.145	Đầy đủ, đúng hạn
40	BIDL2035059		2020	2035	-	-	-	3.500	3.500	3.500	10.500	Đầy đủ, đúng hạn
41	BIDL2028057		2020	2028	58.000	-	-	3.770	-	-	61.770	Đầy đủ, đúng hạn
42	BIDL2030058		2020	2030	-	-	21.000	1.386	1.365	1.193	24.944	Đầy đủ, đúng hạn
43	BIDL2035065		2020	2035	-	-	-	3.384	3.384	3.384	10.152	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
44	BIDL2035063		2020	2035	-	-	-	3.500	3.500	3.500	10.500	Đầy đủ, đúng hạn
45	BIDH2028064		2020	2028	1.000.000	-	-	73.000	-	-	1.073.000	Đầy đủ, đúng hạn
46	BIDL2035050		2020	2035	-	-	-	14.000	14.000	14.000	42.000	Đầy đủ, đúng hạn
47	BIDL2028066		2020	2028	300.000	-	-	24.900	-	-	324.900	Đầy đủ, đúng hạn
48	BIDL2028067		2020	2028	56.400	-	-	4.512	-	-	60.912	Đầy đủ, đúng hạn
49	BIDL2028061(*)		2020	2028	1.000.000	-	-	83.000	-	-	1.083.000	Đầy đủ, đúng hạn
50	BIDL2128001		2021	2028	1.000.000	-	-	62.800	-	-	1.062.800	Đầy đủ, đúng hạn
51	BIDL2136002	BID12116	2021	2036	-	-	-	55.200	55.200	55.200	165.600	Đầy đủ, đúng hạn
52	BIDL2128003		2021	2028	700.000	-	-	42.910	-	-	742.910	Đầy đủ, đúng hạn
53	BIDL2128004		2021	2028	300.000	-	-	18.450	-	-	318.450	Đầy đủ, đúng hạn
54	BIDL2128005		2021	2028	1.000.000	-	-	62.500	-	-	1.062.500	Đầy đủ, đúng hạn
55	BIDL2128007		2021	2028	130.000	-	-	7.995	-	-	137.995	Đầy đủ, đúng hạn
56	BIDL2136006	BID12117	2021	2036	-	-	-	8.280	8.280	8.280	24.840	Đầy đủ, đúng hạn
57	BIDLH2128008		2021	2028	482.000	-	-	29.643	-	-	511.643	Đầy đủ, đúng hạn
58	BIDLH2129009	BID12118	2021	2029	-	112.000	-	7.224	8.624	-	127.848	Đầy đủ, đúng hạn
59	BIDLH2131010	BID12119	2021	2031	-	-	-	328	390	284	1.002	Đầy đủ, đúng hạn
60	BIDL2129013	BID12120	2021	2029	-	1.000.000	-	65.000	75.000	-	1.140.000	Đầy đủ, đúng hạn
61	BIDL2136012	BID12121	2021	2036	-	-	-	3.450	3.450	3.450	10.350	Đầy đủ, đúng hạn
62	BIDLH2128016		2021	2028	1.337.000	-	-	82.627	-	-	1.419.627	Đầy đủ, đúng hạn
63	BIDLH2129017	BID12130	2021	2029	-	1.187.000	-	76.918	85.464	-	1.349.382	Đầy đủ, đúng hạn
64	BIDLH2131015	BID12131	2021	2031	-	-	-	1.579	1.752	1.363	4.694	Đầy đủ, đúng hạn
65	BIDL2128019		2021	2028	100.000	-	-	6.180	-	-	106.180	Đầy đủ, đúng hạn
66	BIDL2129018	BID12132	2021	2029	-	2.000.000	-	130.600	145.000	-	2.275.600	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
67	BIDL2131020	BID12122	2021	2031	-	-	-	19.740	21.900	17.040	58.680	Đầy đủ, đúng hạn
68	BIDH2131024	BID12102	2021	2031	-	-	-	52.640	58.400	45.440	156.480	Đầy đủ, đúng hạn
69	BIDL2129021	BID12123	2021	2029	-	60.000	-	3.888	4.320	-	68.208	Đầy đủ, đúng hạn
70	BIDL2131022	BID12124	2021	2031	-	-	-	5.922	6.570	5.112	17.604	Đầy đủ, đúng hạn
71	BIDL2136023	BID12125	2021	2036	-	-	-	3.450	3.450	3.450	10.350	Đầy đủ, đúng hạn
72	BIDL2129026	BID12133	2021	2029	-	500.000	-	32.500	36.000	-	568.500	Đầy đủ, đúng hạn
73	BIDL2129025	BID12139	2021	2029	-	100.000	-	6.500	7.200	-	113.700	Đầy đủ, đúng hạn
74	BIDL2136027	BID12101	2021	2036	-	-	-	13.800	13.800	13.800	41.400	Đầy đủ, đúng hạn
75	BIDL2136028	BID12150	2021	2036	-	-	-	2.760	2.760	2.760	8.280	Đầy đủ, đúng hạn
76	BIDL2129011	BID12151	2021	2029	-	3.000.000	-	195.000	201.000	-	3.396.000	Đầy đủ, đúng hạn
77	BIDL2136029	BID12152	2021	2036	-	-	-	13.800	13.800	13.800	41.400	Đầy đủ, đúng hạn
78	BIDL2129030	BID12153	2021	2029	-	100.000	-	7.300	6.015	-	113.315	Đầy đủ, đúng hạn
79	BIDB2129001C	BID121027	2021	2029	-	1.200.000	-	92.412	70.872	-	1.363.284	Đầy đủ, đúng hạn
80	BIDH2129008C	BID121028	2021	2029	-	971.000	-	70.883	60.367	-	1.102.250	Đầy đủ, đúng hạn
81	BIDL2128002C	BID122003	2022	2029	-	1.052.430	-	63.462	83.142	-	1.199.033	Đầy đủ, đúng hạn
82	BIDL2129003C	BID122004	2022	2030	-	-	1.000.000	64.300	83.000	58.460	1.205.760	Đầy đủ, đúng hạn
83	BIDL2131004C	BID122005	2022	2032	-	-	-	10.254	13.190	9.337	32.781	Đầy đủ, đúng hạn
84	BIDH2230001	BID12204	2022	2030	-	-	500.000	32.150	40.500	27.900	600.550	Đầy đủ, đúng hạn
85	BIDH2230002	BID12203	2022	2030	-	-	1.150.000	73.945	93.150	64.170	1.381.265	Đầy đủ, đúng hạn
86	BIDH2237003	BID12206	2022	2037	-	-	-	13.460	16.800	11.760	42.020	Đầy đủ, đúng hạn
87	BIDH2230004	BID12205	2022	2030	-	-	500.000	32.150	40.500	27.900	600.550	Đầy đủ, đúng hạn
88	BIDL2223005		2022	2023	1.700.000	-	-	80.883	-	-	1.780.883	Đầy đủ, đúng hạn
89	BIDL2230007	BID12240	2022	2030	-	-	460.000	29.670	35.420	25.668	550.758	Đầy đủ, đúng hạn
90	BIDL2223006		2022	2023	2.300.000	-	-	109.430	-	-	2.409.430	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
91	BIDL2224008	BID12241	2022	2024	-	1.000.000	-	42.000	42.115	-	1.084.115	Đầy đủ, đúng hạn
92	BIDLH2230009	BID12242	2022	2030	-	-	1.981.000	127.775	152.537	110.540	2.371.851	Đầy đủ, đúng hạn
93	BIDLH2232010	BID12243	2022	2032	-	-	-	917	1.092	795	2.804	Đầy đủ, đúng hạn
94	BIDL2230011	BID12244	2022	2030	-	-	2.000.000	129.000	154.422	111.600	2.395.022	Đầy đủ, đúng hạn
95	BIDL2230012	BID12245	2022	2030	-	-	1.000.000	64.800	74.500	55.800	1.195.100	Đầy đủ, đúng hạn
96	BIDL2232013	BID12246	2022	2032	-	-	-	13.760	15.700	11.960	41.420	Đầy đủ, đúng hạn
97	BIDL2223014		2022	2023	1.500.000	-	-	77.338	-	-	1.577.338	Đầy đủ, đúng hạn
98	BIDL2230015	BID12234	2022	2030	-	1.000.000	-	64.800	75.058	-	1.139.858	Đầy đủ, đúng hạn
99	BIDLH2229016	BID12235	2022	2029	-	124.000	-	7.849	8.742	-	140.591	Đầy đủ, đúng hạn
100	BIDL2224019	BID12247	2022	2024	-	1.500.000	-	69.000	52.364	-	1.621.364	Đầy đủ, đúng hạn
101	BIDLH2230017	BID12258	2022	2030	-	-	370.000	23.976	26.640	20.646	441.262	Đầy đủ, đúng hạn
102	BIDL2224020	BID12248	2022	2024	-	1.500.000	-	69.000	52.175	-	1.621.175	Đầy đủ, đúng hạn
103	BIDL2230023	BID12236	2022	2030	-	-	30.000	1.944	2.160	1.674	35.778	Đầy đủ, đúng hạn
104	BIDL2234022	BID12237	2022	2034	-	-	-	1.670	1.850	1.445	4.965	Đầy đủ, đúng hạn
105	BIDL2242021	BID12238	2022	2042	-	-	-	7.000	7.000	7.000	21.000	Đầy đủ, đúng hạn
106	BIDLH2229024	BID12254	2022	2029	-	79.000	-	5.135	5.688	-	89.823	Đầy đủ, đúng hạn
107	BIDLH2232026	BID12255	2022	2032	-	-	-	1.863	2.052	1.615	5.530	Đầy đủ, đúng hạn
108	BIDLH2230025	BID12259	2022	2030	-	-	552.000	36.984	40.848	31.906	661.738	Đầy đủ, đúng hạn
109	BIDL2224027	BID12256	2022	2024	-	1.500.000	-	78.000	104.499	-	1.682.499	Đầy đủ, đúng hạn
110	BIDL2237028	BID12257	2022	2037	-	-	-	4.320	4.320	4.320	12.960	Đầy đủ, đúng hạn
111	BIDL2229029	BID12260	2022	2029	-	500.000	-	34.000	35.000	-	569.000	Đầy đủ, đúng hạn
112	BIDLH2229031	BID12210	2022	2029	-	40.000	-	3.500	2.639	-	46.139	Đầy đủ, đúng hạn
113	BIDLH2228030	BID12215	2022	2028	44.700	-	-	3.910	-	-	48.610	Đầy đủ, đúng hạn
114	BIDL2242033	BID12211	2022	2042	-	-	-	17.000	17.047	17.000	51.047	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
115	BIDL2242034	BID12212	2022	2042	-	-	-	8.500	8.523	8.500	25.523	Đầy đủ, đúng hạn
116	BIDLH2228035	BID12213	2022	2028	3.169.500	-	-	288.425	-	-	3.457.925	Đầy đủ, đúng hạn
117	BIDL2128005C	BID123002	2023	2030	-	-	79.520	-	6.918	4.984	91.422	Đầy đủ, đúng hạn
118	BIDL2129006C	BID123003	2023	2031	-	-	-	-	9	6	15	Đầy đủ, đúng hạn
119	BIDL2131007C	BID123004	2023	2033	-	-	-	-	26.700	19.404	46.104	Đầy đủ, đúng hạn
120	BIDLH2329001	BID12314	2023	2029	-	490.000	-	-	33.010	-	523.010	Đầy đủ, đúng hạn
121	BIDLH2330002	BID12361	2023	2030	-	-	195.000	-	13.687	10.491	219.178	Đầy đủ, đúng hạn
122	BIDL2338003	BID12307	2023	2038	-	-	-	-	35.056	34.960	70.016	Đầy đủ, đúng hạn
123	BIDL2343004	BID12326	2023	2043	-	-	-	-	54.048	53.900	107.948	Đầy đủ, đúng hạn
124	BIDL2343005	BID12308	2023	2043	-	-	-	-	38.605	38.500	77.105	Đầy đủ, đúng hạn
125	BIDL2331006	BID12309	2023	2031	-	-	-	-	14.841	11.560	26.401	Đầy đủ, đúng hạn
126	BIDLH2330007	BID12327	2023	2030	-	-	269.000	-	17.803	14.903	301.705	Đầy đủ, đúng hạn
127	BIDLH2331008	BID12328	2023	2031	-	-	-	-	16.605	13.872	30.477	Đầy đủ, đúng hạn
128	BIDLH2333009	BID12329	2023	2033	-	-	-	-	4.212	3.528	7.740	Đầy đủ, đúng hạn
129	BIDLH2331010	BID12349	2023	2031	-	-	-	-	14.038	11.760	25.798	Đầy đủ, đúng hạn
130	BIDLH2330012	BID12362	2023	2030	-	-	342.000	-	22.291	19.426	383.717	Đầy đủ, đúng hạn
131	BIDLH2333014	BID12363	2023	2033	-	-	-	-	682	598	1.280	Đầy đủ, đúng hạn
132	BIDL2333011	BID12364	2023	2033	-	-	-	-	204.559	179.400	383.959	Đầy đủ, đúng hạn
133	BIDL2328015	BID12365	2023	2028	-	-	-	-	60.926	60.760	121.686	Đầy đủ, đúng hạn
134	BIDL2328016	BID12366	2023	2028	-	-	-	-	94.498	81.776	176.274	Đầy đủ, đúng hạn
135	BIDLH2330017	BID12367	2023	2030	-	-	322.000	-	20.438	18.663	361.101	Đầy đủ, đúng hạn
136	BIDLH2331018	BID12368	2023	2031	-	-	-	-	47.931	43.774	91.704	Đầy đủ, đúng hạn
137	BIDLH2333019	BID12369	2023	2033	-	-	-	-	665	608	1.273	Đầy đủ, đúng hạn
138	BIDLH2338020	BID12370	2023	2038	-	-	-	-	7.019	7.000	14.019	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
139	BIDLH2330021	BID12371	2023	2030	-	-	186.000	-	11.713	10.751	208.464	Đầy đủ, đúng hạn
140	BIDLH2331022	BID12372	2023	2031	-	-	-	-	16.699	15.369	32.068	Đầy đủ, đúng hạn
141	BIDLH2338023	BID12373	2023	2038	-	-	-	-	6.899	6.880	13.779	Đầy đủ, đúng hạn
142	BIDLH2329024	BID12374	2023	2029	-	250.000	-	-	14.454	-	264.454	Đầy đủ, đúng hạn
143	BIDL2333025	BID12375	2023	2033	-	-	-	-	66.983	61.800	128.783	Đầy đủ, đúng hạn
144	BIDLH2330026	BID12376	2023	2030	-	-	100.000	-	6.067	5.812	111.878	Đầy đủ, đúng hạn
145	BIDLH2329027	BID12377	2023	2029	-	250.000	-	-	14.493	-	264.493	Đầy đủ, đúng hạn
146	BIDLH2330030	BID12301	2023	2030	-	-	202.000	-	12.254	11.676	225.930	Đầy đủ, đúng hạn
147	BIDLH2331028	BID12302	2023	2031	-	-	-	-	2.193	2.093	4.286	Đầy đủ, đúng hạn
148	BIDLH2331031	BID12303	2023	2031	-	-	-	-	62.671	59.800	122.471	Đầy đủ, đúng hạn
149	BIDLH2431001	BID12404	2024	2031	-	-	-	-	-	54.910	54.910	Đầy đủ, đúng hạn
150	BIDL2439002	BID12405	2024	2039	-	-	-	-	-	65.000	65.000	Đầy đủ, đúng hạn
151	BIDLH2431003	BID12406	2024	2031	-	-	-	-	-	14.161	14.161	Đầy đủ, đúng hạn
152	BIDLH2432004	BID12407	2024	2032	-	-	-	-	-	2.965	2.965	Đầy đủ, đúng hạn
153	BIDLH2431005	BID12408	2024	2031	-	-	-	-	-	2.890	2.890	Đầy đủ, đúng hạn
154	BIDLH2432006	BID12409	2024	2032	-	-	-	-	-	17.790	17.790	Đầy đủ, đúng hạn
155	BIDLH2431007	BID12410	2024	2031	-	-	-	-	-	40.460	40.460	Đầy đủ, đúng hạn
156	BIDL2432008	BID12411	2024	2032	-	-	-	-	-	117.600	117.600	Đầy đủ, đúng hạn
157	BIDL2444009	BID12412	2024	2044	-	-	-	-	-	13.000	13.000	Đầy đủ, đúng hạn
158	BIDL2431010	BID12413	2024	2031	-	-	-	-	-	2.890	2.890	Đầy đủ, đúng hạn
159	BIDL2439011	BID12414	2024	2039	-	-	-	-	-	6.500	6.500	Đầy đủ, đúng hạn
160	BIDL2434012	BID12415	2024	2034	-	-	-	-	-	212.800	212.800	Đầy đủ, đúng hạn
161	BIDLH2431013	BID12416	2024	2031	-	-	-	-	-	41.616	41.616	Đầy đủ, đúng hạn
162	BIDLH2432014	BID12417	2024	2032	-	-	-	-	-	8.820	8.820	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
163	BIDLH2432015	BID12418	2024	2032	-	-	-	-	-	23.720	23.720	Đầy đủ, đúng hạn
164	BIDLH2431016	BID12419	2024	2031	-	-	-	-	-	10.404	10.404	Đầy đủ, đúng hạn
165	BIDLH2432017	BID12420	2024	2032	-	-	-	-	-	8.895	8.895	Đầy đủ, đúng hạn
166	BIDL2432018	BID12421	2024	2032	-	-	-	-	-	5.880	5.880	Đầy đủ, đúng hạn
167	BIDLH2432019	BID12422	2024	2032	-	-	-	-	-	58.800	58.800	Đầy đủ, đúng hạn
168	BIDLH2431020	BID12423	2024	2031	-	-	-	-	-	26.010	26.010	Đầy đủ, đúng hạn
169	BIDLH2432021	BID12424	2024	2032	-	-	-	-	-	2.940	2.940	Đầy đủ, đúng hạn
170	BIDLH2431022	BID12425	2024	2031	-	-	-	-	-	6.069	6.069	Đầy đủ, đúng hạn
171	BIDLH2432023	BID12426	2024	2032	-	-	-	-	-	2.940	2.940	Đầy đủ, đúng hạn
172	BIDLH2432024	BID12427	2024	2032	-	-	-	-	-	88.200	88.200	Đầy đủ, đúng hạn
173	BIDLH2430025	BID12428	2024	2030	-	-	1.000.000	-	-	55.800	1.055.800	Đầy đủ, đúng hạn
174	BIDL2429026	BID12429	2024	2029	-	-	-	-	-	30.672	30.672	Đầy đủ, đúng hạn
175	BIDL2429027	BID12430	2024	2029	-	-	-	-	-	134.808	134.808	Đầy đủ, đúng hạn
176	BIDLH2431028	BID12431	2024	2031	-	-	-	-	-	52.020	52.020	Đầy đủ, đúng hạn
177	BIDLH2432029	BID12432	2024	2032	-	-	-	-	-	5.586	5.586	Đầy đủ, đúng hạn
178	BIDLH2431030	BID12433	2024	2031	-	-	-	-	-	5.780	5.780	Đầy đủ, đúng hạn
179	BIDLH2432031	BID12434	2024	2032	-	-	-	-	-	23.050	23.050	Đầy đủ, đúng hạn
180	BIDL2432032	BID12435	2024	2032	-	-	-	-	-	58.800	58.800	Đầy đủ, đúng hạn
181	BIDLH2431033	BID12436	2024	2031	-	-	-	-	-	23.120	23.120	Đầy đủ, đúng hạn
182	BIDLH2431034	BID12437	2024	2031	-	-	-	-	-	26.010	26.010	Đầy đủ, đúng hạn
183	BIDLH2431035	BID12438	2024	2031	-	-	-	-	-	5.780	5.780	Đầy đủ, đúng hạn
184	BIDLH2432036	BID12439	2024	2032	-	-	-	-	-	14.700	14.700	Đầy đủ, đúng hạn
185	BIDL2439037	BID12440	2024	2039	-	-	-	-	-	13.000	13.000	Đầy đủ, đúng hạn
186	BIDLH2431038	BID12441	2024	2031	-	-	-	-	-	5.780	5.780	Đầy đủ, đúng hạn

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mã trái phiếu	Mã trái phiếu do VSD cấp (nếu có)	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Gốc trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Lãi trái phiếu đã thanh toán từng kỳ			Tổng gốc, lãi lũy kế đã thanh toán trong 03 năm 2023-2025	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu
					2023	2024	2025	2,023	2024	2025		
187	BIDLH2432039	BID12442	2024	2032	-	-	-	-	-	764	764	Đầy đủ, đúng hạn
188	BID12506	BID12506	2025	2040	-	-	-	-	-	37.869	37.869	Đầy đủ, đúng hạn
189	BID12513	BID12513	2025	2033	-	-	-	-	-	88.169	88.169	Đầy đủ, đúng hạn
	Tổng cộng				**20.419.600**	**21.138.410**	**13.296.520**	**3.647.909**	**3.415.646**	**3.155.479**	**65.073.563**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

PHỤ LỤC 03: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
1	**Mục đích tăng vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ**				
1.1	**Tăng vốn cấp 2**				
1		BID2_RL_19.18	100.000.000.000	-	100.000.000.000
2		BID2_RL_20.04 (*)	16.000.000.000	-	16.000.000.000
3		BID2_RL_20.08 (*)	43.000.000.000	-	43.000.000.000
4		BID2_RL_20.14	500.000.000.000	-	500.000.000.000
5		BID2_RL_20.35	230.000.000.000	-	230.000.000.000
6		BID2_RL_20.38 (*)	33.000.000.000	-	33.000.000.000
7		BIDL2030041 (*)	9.000.000.000	-	9.000.000.000
8		BIDL2030046 (*)	52.000.000.000	-	52.000.000.000
9		BIDL2030049 (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000
10		BIDL2030055 (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000
11		BIDL2035059	50.000.000.000	-	50.000.000.000
12		BIDL2030058 (*)	21.000.000.000	-	21.000.000.000
13		BIDL2035065	47.000.000.000	-	47.000.000.000
14		BIDL2035063	50.000.000.000	-	50.000.000.000
15		BIDL2035050	200.000.000.000	-	200.000.000.000
16		BID2_RL_20.17 (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000
17		BID2_RL_20.20 (*)	206.000.000.000	-	206.000.000.000
18		BID2_RL_20.23 (*)	200.000.000.000	-	200.000.000.000
19		BID2_RL_20.24 (*)	200.000.000.000	-	200.000.000.000
20		BID2_RL_20.34 (*)	50.000.000.000	-	50.000.000.000
21		BIDH2230001 (*)	500.000.000.000	-	500.000.000.000
22		BIDH2230002 (*)	1.150.000.000.000	-	1.150.000.000.000
23		BIDH2230004 (*)	500.000.000.000	-	500.000.000.000
24		BIDL2230007 (*)	460.000.000.000	-	460.000.000.000
25		BIDLH2230009 (*)	1.981.000.000.000	-	1.981.000.000.000
26		BIDL2230011 (*)	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
27		BIDL2230012 (*)	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Tổng			**9.616.000.000.000**	**-**	**9.616.000.000.000**
2	**Mục đích tăng vốn cấp 2**				
2.1	**Tăng vốn cấp 2**				
1		BIDL2242033	200.000.000.000	-	200.000.000.000
2		BIDL2242034	100.000.000.000	-	100.000.000.000
3		BIDLH2330002 (*)	195.000.000.000	-	195.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
4		BIDL2338003	460.000.000.000	-	460.000.000.000
5		BIDL2343004	700.000.000.000	-	700.000.000.000
6		BIDL2343005	500.000.000.000	-	500.000.000.000
7		BIDL2331006	200.000.000.000	-	200.000.000.000
8		BIDLH2330007 (*)	269.000.000.000	-	269.000.000.000
9		BIDLH2331008	240.000.000.000	-	240.000.000.000
10		BIDLH2333009	60.000.000.000	-	60.000.000.000
11		BIDLH2331010	200.000.000.000	-	200.000.000.000
12		BIDL2333011	3.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000
13		BIDLH2330012 (*)	342.000.000.000	-	342.000.000.000
14		BIDLH2333014	10.000.000.000	-	10.000.000.000
15		BIDLH2330017 (*)	322.000.000.000	-	322.000.000.000
16		BIDLH2331018	732.000.000.000	-	732.000.000.000
17		BIDLH2333019	10.000.000.000	-	10.000.000.000
18		BIDLH2338020	100.000.000.000	-	100.000.000.000
19		BIDLH2330021 (*)	186.000.000.000	-	186.000.000.000
20		BIDLH2331022	257.000.000.000	-	257.000.000.000
21		BIDLH2338023	100.000.000.000	-	100.000.000.000
22		BIDL2333025	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
23		BIDLH2330026 (*)	100.000.000.000	-	100.000.000.000
24		BIDLH2330030 (*)	202.000.000.000	-	202.000.000.000
25		BIDLH2331028	35.000.000.000	-	35.000.000.000
26		BIDLH2331031	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
27		BIDLH2431001	950.000.000.000	-	950.000.000.000
28		BIDL2439002	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
29		BIDLH2431003	245.000.000.000	-	245.000.000.000
30		BIDLH2432004	50.000.000.000	-	50.000.000.000
31		BIDLH2431005	50.000.000.000	-	50.000.000.000
32		BIDLH2432006	300.000.000.000	-	300.000.000.000
33		BIDLH2431007	700.000.000.000	-	700.000.000.000
34		BIDL2432008	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
35		BIDL2444009	200.000.000.000	-	200.000.000.000
36		BIDL2431010	50.000.000.000	-	50.000.000.000
37		BIDL2439011	100.000.000.000	-	100.000.000.000
38		BIDL2434012	3.500.000.000.000	-	3.500.000.000.000
39		BIDLH2431013	720.000.000.000	-	720.000.000.000
40		BIDLH2432014	150.000.000.000	-	150.000.000.000
41		BIDLH2432015	400.000.000.000	-	400.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
42		BIDLH2431016	180.000.000.000	-	180.000.000.000
43		BIDLH2432017	150.000.000.000	-	150.000.000.000
44		BIDL2432018	100.000.000.000	-	100.000.000.000
45		BIDLH2432019	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
46		BIDLH2431020	450.000.000.000	-	450.000.000.000
47		BIDLH2432021	50.000.000.000	-	50.000.000.000
48		BIDLH2431022	105.000.000.000	-	105.000.000.000
49		BIDLH2432023	50.000.000.000	-	50.000.000.000
50		BIDLH2432024	1.500.000.000.000	-	1.500.000.000.000
51		BIDLH2430025 (*)	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
52		BIDLH2431028	900.000.000.000	-	900.000.000.000
53		BIDLH2432029	95.000.000.000	-	95.000.000.000
54		BIDLH2431030	100.000.000.000	-	100.000.000.000
55		BIDLH2432031	392.000.000.000	-	392.000.000.000
56		BIDL2432032	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
57		BIDLH2431033	400.000.000.000	-	400.000.000.000
58		BIDL2439037	200.000.000.000	-	200.000.000.000
59		BIDLH2431034	450.000.000.000	-	450.000.000.000
60		BIDLH2431035	100.000.000.000	-	100.000.000.000
61		BIDLH2432036	250.000.000.000	-	250.000.000.000
62		BIDLH2431038	100.000.000.000	-	100.000.000.000
63		BIDLH2432039	13.000.000.000	-	13.000.000.000
64		BID12501	-	780.000.000.000	780.000.000.000
65		BID12502	-	305.000.000.000	305.000.000.000
66		BID12503	-	173.000.000.000	173.000.000.000
67		BID12504	-	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
68		BID12505	-	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
69		BID12506	-	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
70		BID12507	-	53.000.000.000	53.000.000.000
71		BID12508	-	355.000.000.000	355.000.000.000
72		BID12509	-	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
73		BID12510	-	238.000.000.000	238.000.000.000
74		BID12511	-	150.000.000.000	150.000.000.000
75		BID12512	-	100.000.000.000	100.000.000.000
76		BID12513	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
77		BID12514	-	600.000.000.000	600.000.000.000
78		BID12515	-	250.000.000.000	250.000.000.000
79		BID12516	-	85.000.000.000	85.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
80		BID12517	-	200.000.000.000	200.000.000.000
81		BID12518	-	360.000.000.000	360.000.000.000
82		BID12519	-	850.000.000.000	850.000.000.000
83		BID12520	-	202.000.000.000	202.000.000.000
84		BID12521	-	260.000.000.000	260.000.000.000
85		BID12522	-	122.000.000.000	122.000.000.000
86		BID12523	-	100.000.000.000	100.000.000.000
87		BID12524	-	150.000.000.000	150.000.000.000
88		BID12525	-	135.000.000.000	135.000.000.000
89		BID12526	-	367.000.000.000	367.000.000.000
90		BID12527	-	150.000.000.000	150.000.000.000
91		BID12528	-	150.000.000.000	150.000.000.000
92		BID12529	-	200.000.000.000	200.000.000.000
93		BID12530	-	500.000.000.000	500.000.000.000
94		BID12531	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
95		BID12532	-	100.000.000.000	100.000.000.000
96		BID12533	-	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
97		BID12534	-	400.000.000.000	400.000.000.000
98		BID12535	-	200.000.000.000	200.000.000.000
99		BID12536	-	100.000.000.000	100.000.000.000
100		BID12537	-	150.000.000.000	150.000.000.000
101		BID12538	-	415.000.000.000	415.000.000.000
102		BID12539	-	600.000.000.000	600.000.000.000
103		BID12540	-	120.000.000.000	120.000.000.000
104		BID12541	-	250.000.000.000	250.000.000.000
105		BID12542	-	320.000.000.000	320.000.000.000
106		BID12543	-	200.000.000.000	200.000.000.000
107		BID12544	-	150.000.000.000	150.000.000.000
108		BID12545	-	100.000.000.000	100.000.000.000
109		BID12546	-	100.000.000.000	100.000.000.000
110		BID12547	-	138.000.000.000	138.000.000.000
111		BID12548	-	100.000.000.000	100.000.000.000
112		BID12549	-	347.000.000.000	347.000.000.000
113		BID12550	-	75.000.000.000	75.000.000.000
114		BID12551	-	100.000.000.000	100.000.000.000
115		BID12552	-	702.000.000.000	702.000.000.000
116		BID12553	-	590.000.000.000	590.000.000.000
117		BID12554	-	156.000.000.000	156.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
118		BID12555	-	150.000.000.000	150.000.000.000
119		BID12557	-	100.000.000.000	100.000.000.000
120		BID12558	-	142.000.000.000	142.000.000.000
121		BID12559	-	800.000.000.000	800.000.000.000
122		BID12560	-	200.000.000.000	200.000.000.000
123		BID12561	-	203.000.000.000	203.000.000.000
Tổng			**29.520.000.000.000**	**26.043.000.000.000**	**55.563.000.000.000**
3	**Tăng quy mô vốn hoạt động**				
3.1	**Tăng vốn cấp 2**				
1		BID2_18.01 (*)	130.000.000.000	-	130.000.000.000
2		BID2_18.04 (*)	80.000.000.000	-	80.000.000.000
3		BIDL2136002	800.000.000.000	-	800.000.000.000
4		BIDL2136006	120.000.000.000	-	120.000.000.000
5		BIDLH2131010	5.000.000.000	-	5.000.000.000
6		BIDL2136012	50.000.000.000	-	50.000.000.000
7		BIDLH2131015	24.000.000.000	-	24.000.000.000
8		BIDL2131020	300.000.000.000	-	300.000.000.000
9		BIDH2131024	800.000.000.000	-	800.000.000.000
10		BIDL2131022	90.000.000.000	-	90.000.000.000
11		BIDL2136023	50.000.000.000	-	50.000.000.000
12		BIDL2136027	200.000.000.000	-	200.000.000.000
13		BIDL2136028	40.000.000.000	-	40.000.000.000
14		BIDL2136029	200.000.000.000	-	200.000.000.000
15		BIDH2237003	200.000.000.000	-	200.000.000.000
16		BIDLH2232010	14.000.000.000	-	14.000.000.000
17		BIDL2232013	200.000.000.000	-	200.000.000.000
18		BIDLH2230017 (*)	370.000.000.000	-	370.000.000.000
19		BIDL2230023 (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000
20		BIDL2234022	25.000.000.000	-	25.000.000.000
21		BIDL2242021	100.000.000.000	-	100.000.000.000
22		BIDLH2230025 (*)	552.000.000.000	-	552.000.000.000
23		BIDLH2232026	27.000.000.000	-	27.000.000.000
24		BIDL2237028	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Tổng			**4.467.000.000.000**	**-**	**4.467.000.000.000**
4	**Cho vay khách hàng**				
4.1	**Cho vay khách hàng**				
1		BIDL2328015	980.000.000.000	-	980.000.000.000
2		BIDL2328016	1.520.000.000.000	-	1.520.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong kỳ báo cáo năm (01/01/2025 - 31/12/2025)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
			(1)	(2)	(3) = (1) + (2)
3		BIDL2429026	540.000.000.000	-	540.000.000.000
4		BIDL2429027	2.460.000.000.000	-	2.460.000.000.000
5		BID12556	-	360.000.000.000	360.000.000.000
6		BID12562	-	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
7		BID12563	-	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Tổng			**5.500.000.000.000**	**8.360.000.000.000**	**13.860.000.000.000**
Tổng cộng			**49.103.000.000.000**	**34.403.000.000.000**	**83.506.000.000.000**

(*) Các trái phiếu này đã đáo hạn hoặc mua lại trước hạn trong giai đoạn từ ngày 1/1/2025 – 31/12/2025

Tài liệu này thuộc sở hữu của BIDV và được trích xuất từ hệ thống Quản trị nội bộ toàn hàng (B.ONE).